

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 7 – 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: ấp SR, xã TM, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thành T1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: ấp ĐH, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày sự việc như sau: Chị T và anh T1 cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT. Thời gian chung sống vợ chồng được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay.

Nguyên nhân mất hạnh phúc do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Nay chị T không còn tình cảm với anh T1 nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T và anh T1 có 01 con chung tên Võ Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/5/2017 hiện nay đang sống chung với chị T.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thành T1; yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Võ Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/5/2017, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Anh Võ Thành T1 đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1; yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Võ Nguyễn Hà M, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là anh Võ Thành T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 sống chung với nhau trên sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 69/2017 được Ủy ban nhân dân xã NT cấp ngày 22/6/2017, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 sống chung với nhau được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong khoảng thời gian ly thân chị T và anh T1 không quan tâm, liên lạc với nhau và không tự đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị T cho rằng không còn tình cảm và cương quyết xin được ly hôn với anh T1. Phía anh T1 không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị

T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T và anh T1 có 01 con chung tên Võ Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/5/2017, hiện đang do chị T nuôi dưỡng.

Xét thấy, trong thời gian chị T và anh T1 ly thân cháu M vẫn sống chung với chị T, vẫn phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Đối chiếu với quy định của pháp luật hiện tại cháu Võ Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/5/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm được 02 năm 02 tháng 05 ngày tuổi. Do đó, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ và nhằm tránh làm sáo trộn sự phát triển về tâm sinh lý của trẻ và theo quy định của pháp luật nên cần tiếp tục giao cháu Võ Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N_o 0011633, ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị T không phải nộp thêm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Thành T1.

2/- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3/- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N 0011633, ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị T không phải nộp thêm.

5/- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/- Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã NT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo